

HUYỆN LẠNG GIANG

BẢNG 2 - BẢNG GIÁ ĐẤT Ở THỊ TRẤN VÀ VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ, TỈNH LỘ, KHU CÔNG NGHIỆP, KHU DU LỊCH,...

Đơn vị tính : 1.000đ/m²

TT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
I.	THỊ TRẤN				
1.	Thị trấn Vôi				
1.1	Quốc lộ 1A				
-	Đoạn từ giáp ranh xã Phi Mô đến Hạt kiểm lâm huyện	3.000	1.800	1.500	1.200
-	Đoạn từ Hạt kiểm lâm huyện đến đường vào thôn Toàn Mỹ (cửa nhà ông Hinh)	3.400	2.000	1.600	1.300
-	Đoạn từ đường vào thôn Toàn Mỹ (cửa nhà ông Hinh) đến đường vào chợ Vôi (cửa nhà ông Minh)	3.800	2.300	1.700	1.300
-	Đoạn từ đường vào chợ Vôi (cửa nhà ông Minh) đến ngã tư đi UBND thị trấn Vôi	4.000	2.500	1.800	1.400
-	Đoạn từ ngã tư có Hiệu sách nhân dân đến ngã tư có Công ty CP Thương mại dịch vụ Lạng Giang	3.900	2.600	1.800	1.400
-	Đoạn từ ngã tư có Công ty CP Thương mại dịch vụ Lạng Giang đến đường vào Sân vận động QĐ II	3.500	2.400	1.600	1.250
-	Đoạn từ Sân vận động Quân đoàn II đến Cây xăng quân đội	3.300	1.900	1.500	1.200
-	Đoạn từ Cây xăng quân đội đến giáp Cửa hàng xăng dầu thuộc Công ty xăng dầu Bắc Sơn	2.500	1.500	1.300	1.000
-	Đoạn tiếp giáp đường vào Bệnh viện Lạng Giang đến ngã tư Vôi có Barie đường sắt (bên kia đường sắt)	2.000	1.300		
-	Đoạn từ ngã tư Vôi có Barie đường sắt dọc theo hành lang đường sắt đến điểm tiếp giáp đường vào thôn An Mỹ (bên kia đường sắt)	1.900	1.200		
1.2	Tỉnh lộ 295				
-	Đoạn từ cầu Ván đến ngã tư thôn Toàn Mỹ	2.000	1.500	1.000	
-	Đoạn từ ngã tư thôn Toàn Mỹ đến Hiệu sách nhân dân	3.000	2.000	1.800	
-	Đoạn từ Văn phòng công ty TNHH Cường Thịnh đến điểm giao nối với đường nội thị thị trấn Vôi	3.000	2.200	1.500	1.000
-	Đoạn từ điểm giao nối giữa TL 295 với đường nội thị thị trấn Vôi	2.200	1.200	1.000	
-	Đoạn từ hội trường UBND huyện đi điểm Công nghiệp TT Vôi	1.700	1.200	1.000	
-	Đoạn đầu nối từ TL 295 qua Trung tâm thể dục - Thể thao huyện đến đường rẽ vào bãi xử lý rác thải Gò Đầm thị trấn Vôi	1.500			

-	Đoạn từ đường rẽ vào bãi xử lý rác thải Gò Đầm đi thôn An Mỹ	1.000	800		
1.3	Đường nội thị trị trấn Vôi				
-	Đoạn từ ngã tư thôn Toàn Mỹ đến Công ty CP dịch vụ thương mại Lạng Giang	2.500	1.500	1.000	
-	Đoạn từ cửa hàng kinh doanh Điện thoại di động Giang Thủy đến điểm đầu nối với tỉnh lộ 295	2.300	1.300	800	
1.4	Đường trong ngõ, khu phố, xóm còn lại	500	350	220	130
2.	Thị trấn Kép				
2.1	Quốc lộ 1A mới				
-	Đoạn từ ngã tư Kép đến đường Gom vào đồi Lương	3.000	1.800		
-	Đoạn từ đường Gom vào khu đồi Lương đến cầu Vượt	2.200			
2.2	Quốc lộ 1A cũ				
-	Đoạn từ ngã tư Kép đến đường sắt đi Hương Sơn	1.800	1.300		
-	Đoạn từ ngã tư Kép đến ngã ba đường rẽ xuống đường sắt (Trạm điện số 3)	1.700	1.200		
-	Đoạn từ Trạm điện số 3 đến chân cầu Vượt	1.300			
-	Đoạn từ chân cầu Vượt đến điểm cắt Quốc lộ 1A cũ và đường sắt	850			
2.3	Quốc lộ 37				
-	Đoạn từ điểm cắt của đường Quốc lộ 1A cũ với QL 37 đến lối rẽ đường vào Xí nghiệp Hóa chất mỏ	1.000	600		
-	Đoạn từ đầu ghi đến ga Kép	700			
2.4	Đường trong ngõ, xóm còn lại	480	350	250	150
II.	CÁC CỤM DÂN CƯ VEN ĐƯỜNG GIAO THÔNG, KHU CÔNG NGHIỆP, KHU DU LỊCH.....				
1.	Quốc lộ 1A				
1.1	Xã Phi Mô				
-	Đoạn từ cây xăng Đại Phú II đến Ngân hàng chính sách XH huyện	2.300	1.500	1.000	
-	Đoạn từ cầu Thảo đến cây xăng Đại Phú II	2.000	1.300	900	
-	Đoạn từ đường vào thôn An Mỹ đến giáp xã Tân Dĩnh (bên kia đường sắt)	1.000	600		
1.2	Xã Tân Dĩnh				
+	Đường 292B: Đoạn từ khu Bãi Hàng xã Tân Dĩnh đến Bưu điện phố Giỏ	2.000	1.500	1.100	

+ Quốc lộ 1A mới:				
+ Đoạn từ Đình Trì đến Cty TNHH bánh kẹo Tích Sĩ Giai	2.000	1.500	1.100	
+ Đoạn từ Nhà máy bánh kẹo Tích Sĩ Giai đến đường vào Cầu Thảo	2.000	1.500	1.100	900
1.3 Xã Yên Mỹ				
- Đoạn từ cổng Bệnh viện đa khoa Lạng Giang đến Hạt giao thông huyện (bên kia đường sắt)	1.100	900		
- Đoạn từ cây xăng dầu Bắc Sơn đến cổng TT bồi dưỡng chính trị huyện	1.700	1.300		
- Đoạn từ đường Quốc lộ 1A đến cổng UBND xã	1.500	1.200		
1.4 Xã Hương Lạc				
- Đoạn từ cổng Tổ Ròng đến Dốc Má	1.500	1.000		
- Đoạn từ cổng Tổ Ròng đến Dốc Má (bên kia đường sắt)	1.000	600		
1.5 Xã Tân Thịnh				
- Đoạn từ ngã tư Kép đến cửa Đình thôn Sậm	2.700	1.500	1.200	
- Đoạn từ cửa Đình thôn Sậm đến thôn Thanh Lương xã Quang Thịnh	2.000	1.300	800	
1.6 Xã Quang Thịnh				
- Đoạn thôn Thanh Lương đến Cầu Lường	2.000	1.200		
1.7 Xã Xuân Hương: Đoạn từ Bãi Hàng đến khu dân cư Xương Giang (Quốc lộ 1A cũ)	1.200	1.000		
1.8 Xã Hương Sơn				
- Đoạn từ giáp Hương Lạc đến đầu cầu Vượt (Hương Sơn)	1.500	1.000		
2. Tỉnh lộ 295				
2.1 Xã Yên Mỹ				
- Đoạn từ cầu Ván đến ngã tư đi Xương Lâm	1.200	900		
- Đoạn từ ngã tư đi Xương Lâm đến hết thôn An Long	1.100	800		
- Đoạn từ trường THPT Lạng Giang I đến xã Tân Thanh	1.000	700		
- Đoạn từ Tỉnh lộ 295 đến thôn Đồng Lạc	850			
2.2 Xã Tân Hưng				
- Đoạn từ thôn An Long - xã Yên Mỹ đến thôn Vĩnh Thịnh	1.000	700		
Đoạn từ thôn Vĩnh Thịnh đến thôn Đồng Lô	900	600		

-	Đoạn từ thôn Đồng Lô đến cầu Quạt	800	500		
2.3	Xã Mỹ Hà				
-	Đoạn từ đò De đến ngã ba Mỹ Lộc	600			
-	Đoạn từ ngã ba Mỹ Lộc đến đầu cầu Bến Tuần	700			
-	Đoạn từ Ngã ba đi Tân Yên đến lối vào Lò Bát cũ	600			
-	Đoạn từ Lò Bát cũ đến Dương Đức	500			
2.4	Xã Tân Thanh				
-	Đoạn từ xã Yên Mỹ đến hết thôn Tuấn Mỹ	800	500		
-	Đoạn từ thôn Tuấn Mỹ đến cống kênh G8	800	600		
-	Đoạn từ cống kênh G8 đến xã Tiên Lục	500	400		
2.5	Xã Tiên Lục				
-	Đoạn từ cánh đồng Bằng đến ngã ba thôn Giữa	600	450		
-	Đoạn từ ngã ba thôn Giữa đến ngã ba thôn Ao Cầu	800	600		
-	Đoạn từ ngã ba thôn Ao Cầu đến xã Đào Mỹ	550	450		
-	Đoạn từ ngã ba thôn Ao Cầu đến xã Mỹ Hà	650	550		
3.	Quốc lộ 31				
3.1	Xã Dĩnh Trì				
-	Đoạn từ đầu nối Quốc lộ 1A mới đến đường rẽ UBND xã	2.700	1.600	1.000	
-	Đoạn từ đường rẽ UBND xã đến hết phố Cốc (lối rẽ vào Nhà văn hóa phố Cốc)	3.000	1.800	1.200	
-	Đoạn từ Nhà văn hóa phố Cốc đến ngã ba đường đi Yên Dũng	2.000	1.300	800	
-	Đoạn từ ngã ba đường đi Yên Dũng lên Bãi Ổi	1.500	900	600	
-	Đoạn từ Quốc lộ 31 đi thôn Thuyền	1.000	800		
-	Đoạn từ ngã ba Đồi Nền đi bờ Vôi thôn Đông Mo	1.200	800	650	
3.2	Xã Thái Đào				
-	Đoạn từ Dộc Me giáp xã Dĩnh Trì đến đường vào Trại điều dưỡng thương binh E	1.500	900	700	
-	Đoạn từ Trại điều dưỡng thương binh E đến đường vào thôn Ghép	1.000	700		

-	Đoạn từ đường vào thôn Ghép đến cầu Quất Lâm	800	600		
-	Đoạn từ thôn Giạ đến giáp thôn Đông Mo xã Dĩnh Trì (đường đi Yên Dũng)	1.000	700		
3.3	Xã Đại Lâm				
-	Đoạn từ xã Thái Đào đến đường rẽ vào thôn Công xã Thái Đào	800	500		
-	Đoạn từ đường rẽ vào thôn Công xã Thái Đào đến thôn Tiên xã Đại Lâm	1.000	650		
-	Đoạn từ dọc cửa thôn Tiên đến giáp huyện Lục Nam	800	600		
4.	Tỉnh lộ 292				
4.1	Xã Tân Thịnh				
-	Đoạn từ ngã tư Kép đến cổng UBND xã	2.000	1.500	1.000	
-	Đoạn từ cổng UBND xã đến Bưu điện văn hóa xã	1.700	1.200	800	
-	Đoạn từ Bưu điện văn hóa xã đến giáp xã Nghĩa Hòa và xã An Hà	1.500	1.000	700	
4.2	Xã An Hà				
-	Đoạn phố Bằng đến Mía	1.500	1.000	800	
4.3	Xã Nghĩa Hoà				
-	Đoạn từ cầu Đòng đến phố Bằng	1.500	1.000		
-	Đoạn cuối phố Bằng đến lối rẽ đi Đông Sơn	1.300	800		
4.4	Xã Nghĩa Hưng				
-	Đoạn từ cầu Bó Hạ đến lối rẽ và UBND xã	1.200	900		
-	Đoạn từ lối rẽ vào UBND xã đến Mía	1.000	700		
5.	Đường huyện, xã				
5.1	Xã An Hà: Đoạn từ Tỉnh lộ 292 đến lối rẽ vào cổng UBND xã	1.500	1.000		
5.2	Xã Nghĩa Hoà: Đoạn từ Tỉnh lộ 292 đến cầu Trắng	800	600		
5.3	Xã Nghĩa Hưng				
-	Đoạn từ Tỉnh lộ 292 đến xã Đào Mỹ	700	600		
-	Đoạn từ ngã ba Tỉnh lộ 292 đến đồi Đành (Đông Sơn)	450			
5.4	Xã Đào Mỹ				
-	Đoạn từ cầu xóm Ruồng Cái đến dốc Hoa Dê	750	600	500	

-	Đoạn từ Tân Quang đi Cầu Bạc	450			
-	Đoạn từ dốc Hoa Dê đến Cống Trắng giáp xã Nghĩa Hưng	500	450		
-	Đoạn từ cầu xóm Ruồng Cái đến Đồng Anh (xã Tiên Lục)	500	450		
-	Đoạn từ Cầu Bạc đến cầu xóm Láng (giáp xã An Hà)	400			
5.5	Xã Mỹ Thái				
-	Đoạn từ cầu Đổ đến công ngã ba lối rẽ đi thôn Hoàn Sơn xã Phi Mô	800	600		
-	Đoạn từ ngã ba lối rẽ đi xã Phi Mô đến công đầu phố Triển	700	500		
-	Đoạn từ công đầu phố Triển đến chân dốc Nghè	1.000	800		
-	Đoạn từ chân dốc Nghè phía phố Triển đến hết dốc Miếu thôn Chi Lễ	600	400		
5.6	Xã Quang Thịnh				
-	Đoạn toàn bộ đường Tránh	750	500		
-	Đoạn đầu nối Quốc lộ 1A đến Nhà văn hóa thôn Ngọc Sơn (đường vào Su 3)	700	500		
-	Đoạn từ QL 1A đến công ty xi măng Hương Sơn	1.000	700		
-	Đoạn từ đường Tránh đến cầu Quang Hiến	600	500		
5.7	Xã Xương Lâm: Đoạn từ UBND xã đi thôn Tân Hòa	500			
5.8	Xã Tân Đình				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A cũ đến cầu Đò	650	500		
-	Đường vào chợ Giỏ	650	500		
5.9	Xã Hương Sơn				
-	Đoạn từ thôn Kép đến thôn Cây; Điểm cắt QL 1A cũ với QL 37 đến Trạm gác ghi	600	400		
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cổng Công ty xi măng Hương Sơn	1.000	800		
-	Đoạn ngã ba tiếp giáp với QL 37 nối với ngã ba Bưu điện văn hoá xã	700	500		
5.10	Xã Phi Mô				
-	Đoạn từ UBND xã đến thôn Phi Mô	650			
-	Đoạn từ thôn Phi Mô đến cầu Cuồn thôn Hoàn Sơn	550			
5.11	Xã Hương Lạc				

-	Đoạn từ ngã tư UBND xã đi vào kho E 927 thôn 14	800	600		
---	---	-----	-----	--	--

BẢNG 3 - BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP Ở THỊ TRẤN VÀ VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ, TỈNH LỘ, KHU CÔNG NGHIỆP, KHU DU LỊCH,...

Đơn vị tính : 1.000đ/m²

TT	TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
I.	THỊ TRẤN				
1.	Thị trấn Vôi				
1.1	Quốc lộ 1A				
-	Đoạn từ giáp ranh xã Phi Mô đến Hạt kiểm lâm huyện	2.100	1.260	1.000	840
-	Đoạn từ Hạt kiểm lâm huyện đến đường vào thôn Toàn Mỹ (cửa nhà ông Hinh)	2.300	1.400	1.120	910
-	Đoạn từ đường vào thôn Toàn Mỹ (cửa nhà ông Hinh) đến đường vào chợ Vôi (cửa nhà ông Minh)	2.600	1.610	1.190	910
-	Đoạn từ đường vào chợ Vôi (cửa nhà ông Minh) đến ngã tư đi UBND thị trấn Vôi	2.800	1.750	1.260	980
-	Đoạn từ ngã tư có Hiệu sách nhân dân đến ngã tư có Công ty CP Thương mại dịch vụ Lạng Giang	2.700	1.820	1.260	980
-	Đoạn từ ngã tư có Công ty CP Thương mại dịch vụ Lạng Giang đến đường vào Sân vận động QĐ II	2.400	1.680	1.120	875
-	Đoạn từ Sân vận động Quân đoàn II đến Cây xăng quân đội	2.300	1.330	1.000	840
-	Đoạn từ Cây xăng quân đội đến giáp Cửa hàng xăng dầu thuộc Công ty xăng dầu Bắc Sơn	1.700	1.000	910	700
-	Đoạn tiếp giáp đường vào Bên viện Lạng Giang đến ngã tư Vôi có Barie đường sắt (bên kia đường sắt)	1.400	910		
-	Đoạn từ ngã tư Vôi có Barie đường sắt dọc theo hành lang đường sắt đến điểm tiếp giáp đường vào thôn An Mỹ (bên kia đường sắt)	1.300	840		
1.2	Tỉnh lộ 295				
-	Đoạn từ cầu Ván đến ngã tư thôn Toàn Mỹ	1.400	900	700	
-	Đoạn từ ngã tư thôn Toàn Mỹ đến Hiệu sách nhân dân	2.100	1.400	1.260	
-	Đoạn từ Văn phòng công ty TNHH Cường Thịnh đến điểm giao nối với đường nội thị thị trấn Vôi	2.100	1.540	1.050	
-	Đoạn từ điểm giao nối giữa TL 295 với đường nội thị thị trấn Vôi	1.500	840	700	
-	Đoạn từ hội trường UBND huyện đi điểm Công nghiệp TT Vôi				

		1.000	840	700	
-	Đoạn đầu nối từ TL 295 qua Trung tâm thể dục - Thể thao huyện đến đường rẽ vào bãi xử lý rác thải Gò Đầm thị trấn Vôi	1.000			
-	Đoạn từ đường rẽ vào bãi xử lý rác thải Gò Đầm đi thôn An Mỹ	700	560		
1.3	Đường nội thị trị trấn Vôi				
-	Đoạn từ ngã tư thôn Toàn Mỹ đến Công ty CP dịch vụ thương mại Lạng Giang	1.750	1.000	700	
-	Đoạn từ cửa hàng kinh doanh Điện thoại di động Giang Thủy đến điểm đầu nối với tỉnh lộ 295	1.600	900	560	
1.4	Đường trong ngõ, khu phố, xóm còn lại	350	240	150	90
2.	Thị trấn Kép				
2.1	Quốc lộ 1A mới				
-	Đoạn từ ngã tư Kép đến đường Gom vào đò Lương	2.100	1.250		
-	Đoạn từ đường Gom vào khu đò Lương đến cầu Vượt	1.540			
2.2	Quốc lộ 1A cũ				
-	Đoạn từ ngã tư Kép đến đường sắt đi Hương Sơn	1.260	910		
-	Đoạn từ ngã tư Kép đến ngã ba đường rẽ xuống đường sắt (Trạm điện số 3)	1.190	840		
-	Đoạn từ Trạm điện số 3 đến chân cầu Vượt	910			
-	Đoạn từ chân cầu Vượt đến điểm cắt Quốc lộ 1A cũ và đường sắt	595			
2.3	Quốc lộ 37				
-	Đoạn từ điểm cắt của đường Quốc lộ 1A cũ với QL 37 đến lối rẽ đường vào Xí nghiệp Hóa chất mỏ	700	420		
-	Đoạn từ đầu ghi đến ga Kép	490			
2.4	Đường trong ngõ, xóm còn lại	320	240	170	100
II.	CÁC CỤM DÂN CƯ VEN ĐƯỜNG GIAO THÔNG, KHU CÔNG NGHIỆP, KHU DU LỊCH.....				
1.	Quốc lộ 1A				
1.1	Xã Phi Mô				
-	Đoạn từ cây xăng Đại Phú II đến Ngân hàng chính sách XH huyện	1.600	1.000	700	
-	Đoạn từ cầu Thảo đến cây xăng Đại Phú II	1.400	900	630	
-	Đoạn từ đường vào thôn An Mỹ đến giáp xã Tân Đình (bên kia đường sắt)	700	420		
1.2	Xã Tân Đình				

+	Đường 292B: Đoạn từ khu Bãi Hàng xã Tân Dĩnh đến Bưu điện phố Giỏ	1.400	1.000	770	
+	Quốc lộ 1A mới:				
+	Đoạn từ Đình Trì đến Cty TNHH bánh kẹo Tích Sĩ Giai	1.400	1.000	770	
+	Đoạn từ Nhà máy bánh kẹo Tích Sĩ Giai đến đường vào Cầu Thảo	1.400	1.000	770	630
1.3	Xã Yên Mỹ				
-	Đoạn từ cổng Bệnh viện đa khoa Lạng Giang đến Hạt giao thông huyện (bên kia đường sắt)	770	630		
-	Đoạn từ cây xăng dầu Bắc Sơn đến cổng TT bồi dưỡng chính trị huyện	1.200	900		
-	Đoạn từ đường Quốc lộ 1A đến cổng UBND xã	1.000	840		
1.4	Xã Hương Lạc				
-	Đoạn từ cổng Tổ Ròng đến Dốc Má	1.000	700		
-	Đoạn từ cổng Tổ Ròng đến Dốc Má (bên kia đường sắt)	700	420		
1.5	Xã Tân Thịnh				
-	Đoạn từ ngã tư Kép đến cửa Đình thôn Sậm	1.900	1.000	840	
-	Đoạn từ cửa Đình thôn Sậm đến thôn Thanh Lương xã Quang Thịnh	1.400	900	560	
1.6	Xã Quang Thịnh				
-	Đoạn thôn Thanh Lương đến Cầu Lường	1.400	840		
1.7	Xã Xuân Hương: Đoạn từ Bãi Hàng đến khu dân cư Xương Giang (Quốc lộ 1A cũ)	840	700		
1.8	Xã Hương Sơn				
-	Đoạn từ giáp Hương Lạc đến đầu cầu Vượt (Hương Sơn)	1.000	700		
2.	Tỉnh lộ 295				
2.1	Xã Yên Mỹ				
-	Đoạn từ cầu Ván đến ngã tư đi Xương Lâm	840	630		
-	Đoạn từ ngã tư đi Xương Lâm đến hết thôn An Long	770	560		
-	Đoạn từ trường THPT Lạng Giang I đến xã Tân Thanh	700	490		
-	Đoạn từ Tỉnh lộ 295 đến thôn Đồng Lạc	600			
2.2	Xã Tân Hưng				
-	Đoạn từ thôn An Long - xã Yên Mỹ đến thôn Vĩnh Thịnh	700	490		
	Đoạn từ thôn Vĩnh Thịnh đến thôn Đồng Lô	630	420		

-	Đoạn từ thôn Đồng Lô đến cầu Quạt	560	350		
2.3	Xã Mỹ Hà				
-	Đoạn từ đò De đến ngã ba Mỹ Lộc	420			
-	Đoạn từ ngã ba Mỹ Lộc đến đầu cầu Bến Tuần	490			
-	Đoạn từ Ngã ba đi Tân Yên đến lối vào Lò Bát cũ	420			
-	Đoạn từ Lò Bát cũ đến Dương Đức	350			
2.4	Xã Tân Thanh				
-	Đoạn từ xã Yên Mỹ đến hết thôn Tuấn Mỹ	560	350		
-	Đoạn từ thôn Tuấn Mỹ đến cống kênh G8	560	420		
-	Đoạn từ cống kênh G8 đến xã Tiên Lục	350	280		
2.5	Xã Tiên Lục				
-	Đoạn từ cánh đồng Bằng đến ngã ba thôn Giữa	420	320		
-	Đoạn từ ngã ba thôn Giữa đến ngã ba thôn Ao Cầu	560	420		
-	Đoạn từ ngã ba thôn Ao Cầu đến xã Đào Mỹ	380	300		
-	Đoạn từ ngã ba thôn Ao Cầu đến xã Mỹ Hà	450	380		
3.	Quốc lộ 31				
3.1	Xã Dĩnh Trì				
-	Đoạn từ đầu nối Quốc lộ 1A mới đến đường rẽ UBND xã	1.800	1.120	700	
-	Đoạn từ đường rẽ UBND xã đến hết phố Cốc (lối rẽ vào Nhà văn hóa phố Cốc)	2.100	1.260	840	
-	Đoạn từ Nhà văn hóa phố Cốc đến ngã ba đường đi Yên Dũng	1.400	910	560	
-	Đoạn từ ngã ba đường đi Yên Dũng lên Bãi Ổi	1.000	630	420	
-	Đoạn từ Quốc lộ 31 đi thôn Thuyền	700	560		
-	Đoạn từ ngã ba Đồi Nền đi bờ Vôi thôn Đông Mo	840	560	455	
3.2	Xã Thái Đào				
-	Đoạn từ Dộc Me giáp xã Dĩnh Trì đến đường vào Trại điều dưỡng thương binh E	1.000	630	490	
-	Đoạn từ Trại điều dưỡng thương binh E đến đường vào thôn Ghép	700	490		
-	Đoạn từ đường vào thôn Ghép đến cầu Quất Lâm	560	420		

-	Đoạn từ thôn Giạ đến giáp thôn Đông Mo xã Dĩnh Trì (đường đi Yên Dũng)	700	490		
3.3	Xã Đại Lâm				
-	Đoạn từ xã Thái Đào đến đường rẽ vào thôn Cống xã Thái Đào	560	350		
-	Đoạn từ đường rẽ vào thôn Cống xã Thái Đào đến thôn Tiền xã Đại Lâm	700	450		
-	Đoạn từ dọc cửa thôn Tiền đến giáp huyện Lục Nam	560	420		
4.	Tỉnh lộ 292				
4.1	Xã Tân Thịnh				
-	Đoạn từ ngã tư Kép đến cổng UBND xã	1.400	1.000	700	
-	Đoạn từ cổng UBND xã đến Bưu điện văn hóa xã	1.200	840	560	
-	Đoạn từ Bưu điện văn hóa xã đến giáp xã Nghĩa Hòa và xã An Hà	1.000	700	490	
4.2	Xã An Hà				
-	Đoạn phố Bằng đến Mía	1.000	700	560	
4.3	Xã Nghĩa Hoà				
-	Đoạn từ cầu Đồng đến phố Bằng	1.000	700		
-	Đoạn cuối phố Bằng đến lối rẽ đi Đông Sơn	900	560		
4.4	Xã Nghĩa Hưng				
-	Đoạn từ cầu Bồ Hạ đến lối rẽ và UBND xã	840	630		
-	Đoạn từ lối rẽ vào UBND xã đến Mía	700	490		
5.	Đường huyện, xã				
5.1	Xã An Hà: Đoạn từ Tỉnh lộ 292 đến lối rẽ vào cổng UBND xã	1.000	700		
5.2	Xã Nghĩa Hoà: Đoạn từ Tỉnh lộ 292 đến cầu Trắng	560	420		
5.3	Xã Nghĩa Hưng				
-	Đoạn từ Tỉnh lộ 292 đến xã Đào Mỹ	490	420		
-	Đoạn từ ngã ba Tỉnh lộ 292 đến đồi Đành (Đông Sơn)	320			
5.4	Xã Đào Mỹ				
-	Đoạn từ cầu xóm Ruồng Cái đến dốc Hoa Dê	530	420	350	
-	Đoạn từ Tân Quang đi Cầu Bạc	320			
-	Đoạn từ dốc Hoa Dê đến Cổng Trắng giáp xã Nghĩa Hưng	350	310		

-	Đoạn từ cầu xóm Ruồng Cái đến Đồng Anh (xã Tiên Lục)	350	310		
-	Đoạn từ Cầu Bạc đến cầu xóm Láng (giáp xã An Hà)	280			
5.5	Xã Mỹ Thái				
-	Đoạn từ cầu Đò đến công ngã ba lối rẽ đi thôn Hoàn Sơn xã Phi Mô	560	420		
-	Đoạn từ ngã ba lối rẽ đi xã Phi Mô đến công đầu phố Triền	490	350		
-	Đoạn từ công đầu phố Triền đến chân dốc Nghè	700	560		
-	Đoạn từ chân dốc Nghè phía phố Triền đến hết dốc Miếu thôn Chi Lễ	420	280		
5.6	Xã Quang Thịnh				
-	Đoạn toàn bộ đường Tránh	530	350		
-	Đoạn đầu nối Quốc lộ 1A đến Nhà văn hóa thôn Ngọc Sơn (đường vào Sư 3)	490	350		
-	Đoạn từ QL 1A đến công ty xi măng Hương Sơn	700	490		
-	Đoạn từ đường Tránh đến cầu Quang Hiến	420	350		
5.7	Xã Xương Lâm: Đoạn từ UBND xã đi thôn Tân Hòa	350			
5.8	Xã Tân Đình				
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A cũ đến cầu Đò	450	350		
-	Đường vào chợ Giở	450	350		
5.9	Xã Hương Sơn				
-	Đoạn từ thôn Kép đến thôn Cây; Điểm cắt QL 1A cũ với QL 37 đến Trạm gác ghi	420	280		
-	Đoạn từ Quốc lộ 1A đến công Công ty xi măng Hương Sơn	700	560		
-	Đoạn ngã ba tiếp giáp với QL 37 nối với ngã ba Bưu điện văn hoá xã	490	350		
5.10	Xã Phi Mô				
-	Đoạn từ UBND xã đến thôn Phi Mô	450			
-	Đoạn từ thôn Phi Mô đến cầu Cuồn thôn Hoàn Sơn	380			
5.11	Xã Hương Lạc				
-	Đoạn từ ngã tư UBND xã đi vào kho E 927 thôn 14	560	420		

BẢNG 4 - BẢNG GIÁ ĐẤT Ở NÔNG THÔN

Đơn vị tính : 1.000đ/m²

TT	Loại xã, nhóm xã	Khu vực 1				Khu vực 2				Khu vực 3			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
	Xã Miền núi												
1	Xã nhóm A	650	500	450	350	400	350	250	200	280	250	200	180
2	Xã nhóm B	600	450	400	300	250	300	200	170	250	220	180	160
3	Xã nhóm C	500	400	350	250	300	250	150	130	200	180	130	120
4	Xã nhóm D	400	300	250	200	250	200	130	120	150	120	110	100

BẢNG 5 - BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP Ở NÔNG THÔN

Đơn vị tính : 1.000đ/m²

TT	Loại xã, nhóm xã	Khu vực 1				Khu vực 2				Khu vực 3			
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 4
	Xã Miền núi												
1	Xã nhóm A	460	350	320	245	280	245	175	140	200	175	140	130
2	Xã nhóm B	420	315	280	210	175	210	140	120	175	160	130	110
3	Xã nhóm C	350	280	245	175	210	175	105	90	140	130	100	85
4	Xã nhóm D	280	210	175	140	175	140	90	85	105	100	80	70

Phân loại nhóm Xã như sau:

- Xã miền núi :

+ Xã nhóm A: Quang Thịnh, Tân Thịnh, Yên Mỹ, Tân Đình, Đình Trì, Phi Mô, Hương Lạc.

+ Xã nhóm B: Tân Hưng, Nghĩa Hoà, Nghĩa Hưng, Thái Đào, An Hà.

+ Xã nhóm C: Đại Lâm, Mỹ Thái, Mỹ Hà, Đào Mỹ, Tiên Lục, Tân Thanh, Xương Lâm.

+ Xã nhóm D: Hương Sơn, Xuân Hương, Dương Đức.